PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
HUYỆN TỨ KỲ

A-DH01-HKI6-1516

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Năm học 2015-2016
Môn: TIẾNG ANH - LỚP 6
Thời gian làm bài: 45 phút
(Đề này gồm 02 trang)

A. LISTENING: ***(2.5 PTS)***

I. Listen to the following conversation and circle the correct answers. ***(1.5 pts)***

1. Where does Mai live?
   A. in town B. in the country C. in Ha Noi
2. Mai is a ……..
   A. grade 7 student B. teacher C. grade 6 student
3. Mai gets up at ……
   A. 5.00 B. 5.30 C. 6.00
4. How does Mai travel to school?
   A. On foot B. By bus C. By bike
5. Anh's school is ……..
   A. far from her house B. near her house C. opposite her house

II. Listen and choose whether the statements are True ***(T)*** **or False** ***(F)*****.** ***(1.0 pt)***

Statements	T	F
1. Thao is in her room		
2. She is playing the piano		
3. Her father is working		
4. Her mother is in the living room		
5. Her mother and brother are watching TV		

B. READING: ***(2.5 PTS)***

I. Complete the passage using the words in the box. ***(1.5 pts)***

gets	on	at	brushes	has	goes	to	the	past	home	her

Every morning, Thu (1) **<u>gets</u>** up at six. She (2)……..…….. breakfast at 6.15. After breakfast, she (3) ……..…… her teeth. Then she (4) ..…… to school. Her classes start (5) …… seven o'clock and finish at a quarter (6) ……..…. eleven. She usually has English, Math , Literature and History (7)……. Monday. After school, she goes(8)…… and has lunch at eleven thirty. In (9)……. afternoon, she plays volleyball. She does (10) …… homework in the evening. She goes (11) …….. bed at 10.00.

II. Read the text and answer the questions. ***(1.0 pt)***

Minh is twelve years old. He is in grade 6 at Quang Trung secondary school. He lives in a house in the city with his mother, his father and his sister, Lan. Their house is very big. It is next to a bookstore and opposite a bakery. In the

neighborhood, there is a restaurant, a hospital, a supermaket and a stadium. Minh's father works in the hospital. His mother works in the supermarket. His sister is a student, too. He loves his family very much.

1. How old is Minh?
2. Does he live in the city?
3. How many people are there in his family?
4. Are there two bookstores in his neighborhood.

C. WRITING: ***(3.0 PTS)***

I. Arrange the words to make complete sentences. ***(1.0 pt)***

1. am / six / I / grade / in/.

……

2. I / and mother / my father / with / live /.

……

3. your / engineer / father / Is / an / ? /

……

4. a / is / market / There / house / near / his /.

……

5. students / are / There / hundred / nine / school / in / the /.

……

II. Answer the questions about you. ***(1.0 pt)***

1. How old are you?

……

2. Which class are you in?

……

3. What is the name of your school?

……

4. How do you go to school?

……

5. What do you often do in the afternoon?

……

III. Write a passage about 10 sentences about your mother. ***(1.0 pt)***

(name, age, address, job, hobby)

-------- *The End* --------

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
HUYỆN TỨ KỲ

A-DH01-HKI6-1516

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I
Năm học 2015-2016
Môn: TIẾNG ANH - LỚP 6
Thời gian làm bài: 45 phút
(Hướng dẫn chấm gồm 03 trang)

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
					Thấp		Cao		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
LISTENING *(2.5 pts)*	- Listen and circle A, B, or C - Listen and chose T or F.								
Số câu hỏi	**8**		**2**						**10**
Số điểm	***2.1***		***0.4***						***2.5*** ***25%***
READING *(2.5 pts)*	- Complete the passage using the words in the box. - Read then answer the questions								
Số câu hỏi		**3**		**11**					**14**
Số điểm		***0.75***		***1.75***					***2.5*** ***25%***
WRITING *(3.0 pts)*	- Arrange the words to make complete sentences. - Answer the questions about you. - Write a passage about your mother.								
Số câu hỏi				**5**		**5**		**10**	**20**
Số điểm				***1.0***		***1.0***		***1.0***	***3.0*** ***30%***
TS câu hỏi	**11**		**18**		**15**				**44**
TS điểm		***2.85***		***3.15***				***2***	***8***

II. ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM

Lưu ý: Điểm kiểm tra học kỳ của từng học sinh là tổng điểm của Bài thi viết và Bài thi nói.

- Tổng điểm Bài thi viết: **8,0 điểm** *(Theo đề chung của Phòng GD&ĐT).*

- Tổng điểm Bài thi nói: **2,0 điểm** *(Các trường tự tổ chức cho học sinh khối 6 thi nói theo Hướng dẫn tại Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc triển khai đánh giá theo định hướng phát triển năng lực môn tiếng Anh cấp trung học từ năm học 2014-2015).*

Questions	***Keys***	***Points***
A. Listening *(2.5 pts)*	**I.** 1 - A 2 - C 3- B 4 - A 5 - A **II.** 1 - T 2 - F 3 - F 4 - T 5 – T	0.3 for each 0.2 for each
B. Reading *(2.5 pts)*	**I.** 2. has 3. brushes 4. goes 5. at 6. past 7. on 8. home 9. the 10. her 11. to **II.** 1. He (Minh) is 12 years old. 2. Yes, he does. (Yes, he lives in the city.) 3. There are 4. 4. No, there aren't. (No, there is a bookstore).	0.15 for each 0.25 for each
C. Writing *(3.0 pts)*	**I.** 1. I am in grade 6. 2. I live with my father and mother. 3. Is your father an engineer? 4. There is a market near his house. 5. There are nine hundred students in the school. **II.** 1. I am 12 years old. 2. I am in class 6a. 3. My school is …….. 4. I go to school by bike. (I walk to school/ I go to school on foot). 5. I often…… **III.** Accuracy vocabulary, grammar and information.	0.2 for each 0.2 for each 1.0
8.0 points		